

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29/5/2024

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hiền

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX- ST ngày 26/5/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Ngọc V, sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Bà M, ông V vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Phạm Thị M trình bày: Bà M và ông V kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 12/10/1994. Sau khi kết hôn, bà M và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông V không quan tâm đến

bà và có lời lẽ xúc phạm bà. Hiện tại bà M và ông V sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải giải quyết cho bà M được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà M và ông V không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Bà M và ông V không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Lương Ngọc V trình bày: Ông V và bà M kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 12/10/1994. Sau khi kết hôn, bà M về chung sống cùng ông tại thôn C, xã X. Trong quá trình chung sống giữa ông V và bà M không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2024, bà M tự ý bỏ về quê bà M ở xã Tr sinh sống và cũng từ thời gian đó cho đến nay ông V và bà M sống ly thân, không còn liên lạc gì với nhau và không quan tâm đến nhau. Nay bà M có đơn xin ly hôn ông V, quan điểm của ông V đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông V và bà M không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Ông V và bà M không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2024, Ủy ban nhân xã X cung cấp như sau: Ông Lương Ngọc V và bà Phạm Thị M kết hôn ngày 12/10/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H. Sau khi kết hôn thì bà M về chung sống cùng ông V tại thôn C, xã X đến đầu năm 2024 thì bà M về sinh sống tại xã Tr. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông V chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Về con chung: Ông V và bà M không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa bà M và ông V theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có lời khai tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Lương Ngọc V; về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là ông Lương Ngọc V có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa bà Phạm Thị M và ông Lương Ngọc V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Lương Ngọc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 12/10/1994. Tại thời điểm kết hôn, bà M và ông V đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà M và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông V vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là ông V cũng đồng ý ly hôn với bà M. Như vậy, hôn nhân của bà M và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giải quyết cho bà M được ly hôn với ông V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà M và ông V không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có.

[2.4]. Về án phí: Bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà M.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Lương Ngọc V

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Phạm Thị M.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh